

# MỘT VÀI KỸ XẢO TRONG DỊCH TRUNG - VIỆT

SOME METHODS OF CHINESE VIETNAMESE TRANSLATION

NGUYỄN THỊ HỒNG NHÂN

(ThS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

**Abstract:** Translating Chinese into Vietnamese has common points on methods of translating, but also has its own characteristics. This article mentions some methods and techniques in Chinese Vietnamese translation. In addition to these measures, the usual technique like adding or separating sentences, we also need to pay attention to other things such as the receivers of the translation, especially avoiding overused Sino-Vietnamese.

**Key words:** Chinese Vietnamese translation; method; technique.

1. Để dịch cũng như đánh giá một sản phẩm dịch, chúng ta cần căn cứ vào những tiêu chuẩn nhất định trong dịch thuật. Nói đến tiêu chuẩn dịch, từ trước đến nay những người nghiên cứu dịch Trung-Việt đều biết đến "tín, đạt, nhã". Tuy nhiên, gần đây có thêm một quan điểm mới về tiêu chuẩn dịch đó là "bản địa hóa" và "ngoại lai" (cách gọi khác đó: "bản địa hóa" và "hướng ngoại", "đồng hóa" và "đị biệt"). Trong đó, bản địa hóa là chọn hướng dịch cốt sao để hiểu, để những độc giả bình dân cũng có thể tiếp nhận sản phẩm dịch. Dịch hướng ngoại là cố gắng bám sát nguyên tác, dùng các từ ngữ, hiện tượng, cách diễn đạt như trong bản gốc, với mong muốn làm phong phú ngôn ngữ dịch và hội nhập với thế giới.

Trên cơ sở lý luận về "bản địa hóa" hay "ngoại lai" trong dịch Trung-Việt, bài viết nêu lên một số phương pháp và kỹ xảo trong quá trình chuyển dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt.

2. Cũng giống như dịch các ngôn ngữ nói chung, dịch thuật Trung-Việt có thể vận dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ xảo dịch, bao gồm: bớt từ, thêm từ, đảo về câu, tách câu, gộp câu,...

**Thứ nhất, thêm, bớt từ:** Việc thêm bớt từ, thường là những hư từ, liên từ, chủ yếu là để diễn đạt cho sáng rõ nội dung văn bản. Ví dụ:

缔约双方有义务对进入共同渔区从事渔

业活动的渔民进行教育和培训。(Hai bên kí kết có nghĩa vụ giáo dục và đào tạo những ngư dân vào hoạt động nghề cá trong vùng đánh cá chung).

**Thứ hai, tách hoặc gộp câu:** Tách câu hay gộp câu nhiều khi không đơn thuần là câu dài thì tách ra, câu ngắn thì gộp lại, mà thường do cấu trúc câu và nội dung ý nghĩa quy định. Có loại câu không thể mang quá nhiều thành phần phụ, hoặc không biểu đạt hết ý mà vẫn bản gốc cần truyền đạt, thì nên tách ra. Ngược lại, nếu hai hoặc nhiều câu có cùng một phần nội dung, hoặc vì một mục đích tu từ nào đó có thể gộp lại để tiết kiệm thời gian, đảm bảo độ dài,...

**Thứ ba, đảo về câu:** Trong dịch Trung-Việt, nhiều khi cần đảo về câu của văn bản gốc, ví dụ câu "世界上所有的有益东西, 我们要学" được dịch thành "Chúng ta phải học tập tất cả những điều bổ ích trên thế giới".

**Thứ tư, linh hoạt trong cách dịch tùy thuộc vào đối tượng tiếp nhận bản dịch**

Không tuyệt đối hóa theo phương pháp bản địa hóa hay ngoại lai, mà phải căn cứ vào các yếu tố liên quan. Một số yếu tố cần chú ý trong dịch Trung-Việt có thể kể đến là đặc thù đối

tượng trong bản dịch và đối tượng tiếp nhận bản dịch.

Một ví dụ điển hình về việc cần nhắc đến đặc thù đối tượng trong bản dịch là cách dịch từ “政协” (Chính hiệp) trong văn bản tiếng Hán.

政协” (Chính hiệp) tên đầy đủ là “Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc”. Có ý kiến cho rằng, Chính hiệp của Trung Quốc cũng giống/gần giống với Mặt trận tổ quốc của Việt Nam. Tuy nhiên, nói chính xác từ gốc độ chính trị thì khác rất nhiều. Do đó, với hai cụm từ này, để đảm bảo độ “tín”, chúng ta nên chọn phương pháp hướng ngoại, chứ không nên bản địa hóa chúng khi dịch, tức là dịch “chính hiệp” còn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thì dịch là “越南祖国阵线”.

Một ví dụ khác: từ 会长 có thể dịch bằng hai cách: Khi sử dụng trong nội bộ văn phòng hay cơ quan, để giản tiện, có thể sử dụng phương pháp “hướng ngoại”, dịch là “hội trưởng”; nhưng khi dịch ở những văn bản chính thống mang tính chuẩn mực, trang trọng thì nên sử dụng phương pháp “bản địa hóa”, đó là “chủ tịch hiệp hội”.

**Thứ năm, không tùy tiện sử dụng Hán Việt:** Ngoài ra, một điểm rất đáng chú ý trong dịch văn bản Trung-Việt nữa là không tùy tiện sử dụng Hán Việt. Ví dụ:

Cụm từ 中国特色社会主义 hiện nay phổ biến được dịch là “chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc”. Tuy nhiên, thứ nhất, xét về nghĩa, 特色 có nghĩa là “màu sắc đặc thù”, chứ không có nghĩa là “đặc sắc” (rất đặc biệt). Thứ hai, xét về ngữ pháp, “đặc sắc” trong tiếng Việt là một tính từ, nếu tính từ này bổ sung nghĩa cho danh từ (Trung Quốc), thì nó phải đứng sau danh từ ấy, tức “Trung Quốc đặc sắc”, điều này không phù hợp nghĩa với bản gốc. Thứ ba, 中国特色社会主义 cũng có nghĩa là 具有中国特色的社

会主义, do đó, 特色 (đặc sắc) không thể bổ sung nghĩa trực tiếp cho “chủ nghĩa xã hội” được. Do đó, theo quan điểm của chúng tôi thì nên dịch là “chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc” như nhiều năm trước chúng ta vẫn dùng.

Gần đây, cụm từ 汉办 xuất hiện khá nhiều và được mọi người dịch là “Hán Ban”. Như chúng ta đã biết, đây là một từ viết tắt trong tiếng Trung có tên đầy đủ là 中国国家汉语国际推广领导小组办公室. Phải thừa nhận rằng “Hán Ban” là một cách dịch “hướng ngoại” ngắn gọn, đạt được tiêu chí tương đương về mặt hình thức, nhưng theo cá nhân tôi đây là một cách dịch lạm dụng từ Hán Việt. Chúng ta không phản đối “hướng ngoại”, và cũng không phản đối việc sử dụng kho tàng từ Hán Việt vô cùng quý giá, song theo cá nhân tôi “Hán Ban” là một cách dịch tối nghĩa, vì vậy trong những trường hợp này chúng ta có thể sử dụng phương pháp “bản địa hóa”, có thể dịch là “Văn phòng Hán Ngữ đối ngoại quốc gia Trung Quốc”.

3. Trong quá trình chuyển dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt, ngoài những phương pháp và kĩ xảo thông thường thì chúng ta cũng nên chú ý về sự kết hợp hài hòa giữa cách dịch “bản địa hóa” và “ngoại lai”, đảm bảo bản dịch trong sáng dễ hiểu, đồng thời vẫn chuyển tải được nội dung, tư tưởng của văn bản gốc.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Nguyễn Hữu Cầu (2004), *Lí luận đối dịch Hán - Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Lý Toàn Thắng (2008), *Lí thuyết trật tự từ trong cú pháp*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Khang (2007, tái bản 2012), *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.